

TỔNG HỢP ĐỀ XUẤT HỖ TRỢ ĐỐI VỚI CÂY TRỒNG BỊ THIẾT HẠI DO BÃO SỐ 10 GÂY RA THEO NGHỊ ĐỊNH SỐ 09/2025/NĐ-CP

TT	Họ và tên	Tổng giá trị thiệt hại	Thiệt hại trên 70% diện tích											Thiệt hại từ 30- 70% diện tích												
			Diện tích lúa			Diện tích mạ	Cây hằng năm khác			Diện tích cây trồng lâu năm					Diện tích lúa			Diện tích mạ	Cây hằng năm khác			Diện tích cây trồng lâu năm				
			Sau gieo trồng từ 01 đến 10 ngày	Sau gieo trồng từ trên 10 ngày đến 45 ngày	Sau gieo trồng trên 45 ngày		Giai đoạn cây con (gieo trồng đến 1/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cây đang phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng)	Vườn cây ở thời kỳ kiến thiết cơ bản	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiệt hại đến năng suất thu hoạch nhưng cây không chết	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiệt hại làm cây được đánh giá là cây không còn khả năng phục hồi trở lại trạng thái bình thường; vườn cây đầu dòng ở giai đoạn được khai thác vật liệu nhân giống	Cây giống trong giai đoạn vườn ươm được nhân giống từ nguồn vật liệu khai thác từ cây đầu dòng, vườn cây đầu dòng	Sau gieo trồng từ 01 đến 10 ngày	Sau gieo trồng từ trên 10 ngày đến 45 ngày	Sau gieo trồng trên 45 ngày	Giai đoạn cây con (gieo trồng đến 1/3 thời gian sinh trưởng)		Giai đoạn cây đang phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng)	Vườn cây ở thời kỳ kiến thiết cơ bản	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiệt hại đến năng suất thu hoạch nhưng cây không chết	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiệt hại làm cây được đánh giá là cây không còn khả năng phục hồi trở lại trạng thái bình thường; vườn cây đầu dòng ở giai đoạn được khai thác vật liệu nhân giống	Cây giống trong giai đoạn vườn ươm được nhân giống từ nguồn vật liệu khai thác từ cây đầu dòng, vườn cây đầu dòng		
(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)			
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24		
	Tổng	153.00							1.00		6.10											1.60				
	Dương Đình Trọng	1.00																				1.60				
2	Phạm Thị Nga	0.50																				0.10				
3	Nguyễn Tiến Nguyệt	1.00																				0.05				
4	Bùi Thị Nga	0.50																				0.05				
5	Nguyễn Văn Hải	1.00																				0.10				
6	Lê Thị Thuý	0.50																				0.05				
7	Ví Thị Luyện	0.50																				0.05				
8	Nguyễn Tiến Cường	0.50																				0.05				
9	Dương Thị Hiền	1.00																				0.10				
10	Nguyễn Thị Tâm Nghĩa	0.50																				0.05				
11	Nguyễn Văn Tuấn (Lương)	1.00																				0.10				
12	Trần Thị Minh	1.00																				0.10				
13	Nguyễn Thị Thuý	0.50																				0.05				
14	Dương Thị Phương	0.50																				0.05				
15	Trần Thanh Thắng	1.00																				0.10				
16	Lê Văn Quân	0.50																				0.05				
17	Nguyễn Thị Nhuận	0.50																				0.05				
18	Phạm Đình Khoa	1.00																				0.10				
19	Hoàng Thị Thu Hiền	0.50																				0.05				
20	Lê Văn Át	0.50																				0.05				
21	Phạm Thị Trạc	1.00																				0.10				
22	Võ Huy Bình	0.50																				0.05				
23	Trần Viết Cường	0.50																				0.05				
24	Trần Văn Hải	1.50							0.10																	
25	Lê Văn Thanh	1.50							0.10																	
26	Nguyễn Văn Tạo	1.13							0.08																	
27	Trần Thị Dục	1.13							0.08																	
28	Trần Văn Hòa	1.50							0.10																	
29	Đỗ Thị Thường	0.75							0.05																	
30	Nguyễn Thị Hòa	1.50							0.10																	
31	Nguyễn Chức	1.50							0.10																	
32	Nguyễn Văn Hoàn	1.50							0.10																	
33	Nguyễn Tiến Duân	1.50							0.10																	

[illegible]

[illegible]

Kinh phí hỗ trợ	
Tổng NSNN hỗ trợ	Trong đó
	Thôn
tr.đồng	
25	26
153.00	Sơn Thịnh
1.00	Sơn Thịnh
0.50	Sơn Thịnh
1.00	Sơn Thịnh
0.50	Sơn Thịnh
1.00	Sơn Thịnh
0.50	Sơn Thịnh
0.50	Sơn Thịnh
0.50	Sơn Thịnh
0.50	Sơn Thịnh
1.00	Sơn Thịnh
0.50	Sơn Thịnh
1.00	Sơn Thịnh
1.00	Sơn Thịnh
0.50	Sơn Thịnh
0.50	Sơn Thịnh
1.00	Sơn Thịnh
0.50	Sơn Thịnh
0.50	Sơn Thịnh
1.00	Sơn Thịnh
0.50	Sơn Thịnh
0.50	Sơn Thịnh
1.50	Hưng Phú
1.50	Hưng Phú
1.13	Hưng Phú
1.13	Hưng Phú
1.50	Hưng Phú
0.75	Hưng Phú
1.50	Hưng Phú
1.50	Hưng Phú
1.50	Hưng Phú
1.50	Hưng Phú

Kinh phí hỗ trợ	
Tổng NSNN hỗ trợ	Trong đó
	Thôn
0.75	Hưng Phú
0.75	Hưng Phú
2.00	Hưng Phú
3.00	Hưng Phú
3.00	Hưng Phú
2.00	Hưng Phú
10.00	Hưng Phú
10.00	Hưng Phú
10.00	Hưng Phú
1.00	Đồng Phú
1.00	Đồng Phú
0.40	Đồng Phú
1.40	Đồng Phú
1.00	Đồng Phú
1.00	Đồng Phú
3.00	Đồng Phú
13.60	Đồng Phú
0.40	Đồng Phú
1.00	Đồng Phú
1.00	Đồng Phú
2.00	Đồng Phú
0.40	Đồng Phú
4.80	Đồng Phú
1.00	Đồng Phú
2.00	Đồng Phú
2.00	Đồng Phú
2.00	Đồng Phú
0.40	Đồng Phú
0.10	Đồng Phú
0.50	Đồng Phú
2.00	Tân Thắng
2.00	Tân Thắng
2.00	Tân Thắng
2.00	Tân Thắng
2.00	Tân Thắng
2.00	Tân Thắng
2.00	Tân Thắng
4.00	Tân Thắng
2.00	Tân Thắng
4.00	Tân Thắng

Kinh phí hỗ trợ	
Tổng NSNN hỗ trợ	Trong đó
	Thôn
4.00	Tân Thắng
4.00	Tân Thắng
4.00	Tân Thắng
2.00	Tân Thắng
4.00	Tân Thắng

TỔNG HỢP ĐỀ XUẤT HỖ TRỢ ĐỐI VỚI VẬT NUÔI BỊ THIẾT HẠI DO BÃO SỐ 10 GÂY RA THEO NGHỊ ĐỊNH SỐ 09/2025/NĐ-CP

[illegible]

TỔNG HỢP ĐỀ XUẤT HỖ TRỢ ĐỐI VỚI LÂM NGHIỆP BỊ THIẾT HẠI DO BÃO SỐ 10 GÂY RA THEO NGHỊ ĐỊNH SỐ 09/2025/NĐ-CP

TT	Đơn vị	Tổng giá trị thiệt hại	Thiệt hại trên 70%					Thiệt hại từ 30% đến 70%				
			Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích rừng trồng gỗ lớn trên 03 năm tuổi	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây giống được ươm trong giai đoạn vườn ươm		Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích rừng trồng gỗ lớn trên 03 năm tuổi	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây giống được ươm trong giai đoạn vườn ươm	
						Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi				Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi
	30.20	tr.đồng	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)
	I	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Tổng		453.00		30.20								
1	Nguyễn Tiến Kỳ	30.000		2.00								
2	Hoàng Thị Kỳ	15.000		1.00								
3	Hoàng Ngọc Tân	15.000		1.00								
4	Hoàng Đình Hạnh	15.000		1.00								
5	Ngô Thị Lệ	15.000		1.00								
6	Hoàng Đình Trúc	15.000		1.00								
7	Hoàng Trọng Thịnh	30.000		2.00								
8	Trần Văn Hoàn	7.500		0.50								
9	Võ Văn Thảo	30.000		2.00								
10	Nguyễn Ngọc Kế	7.500		0.50								
11	Nguyễn Thị Hoa	7.500		0.50								
12	Nguyễn Văn Lợi	15.000		1.00								
13	Ngô Đức Lý	7.500		0.50								
14	Nguyễn Chiến Thuật	22.500		1.50								
15	Trịnh Văn Tiến	7.500		0.50								
16	Trần Ngọc Sơn	7.500		0.50								
17	Nguyễn Văn Lê	15.000		1.00								
18	Nguyễn Thanh Mai	4.500		0.30								
19	Nguyễn Việt Xuân	7.500		0.50								
20	Trần Văn Lý	15.000		1.00								
21	Nguyễn Thị Kim Thuần	3.000		0.20								
22	Nguyễn Thị Lý	7.500		0.50								
23	Nguyễn Hoàng Hoa	7.500		0.50								
24	Trần Ngọc Thắng	3.000		0.20								

TT	Đơn vị	Tổng giá trị thiệt hại	Thiệt hại trên 70%					Thiệt hại từ 30% đến 70%				
			Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích rừng trồng gỗ lớn trên 03 năm tuổi	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây giống được ương trong giai đoạn vườn ương		Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích rừng trồng gỗ lớn trên 03 năm tuổi	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây giống được ương trong giai đoạn vườn ương	
						Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi				Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi
25	Nguyễn Văn Anh	7.500		0.50								
26	Hoàng Ngọc Sơn	7.500		0.50								
27	Nguyễn Tăng Liễn	7.500		0.50								
28	Nguyễn Đình Thìn	7.500		0.50								
29	Trần Ngọc Chính	3.000		0.20								
30	Trần Văn Trực	7.500		0.50								
31	Đậu Thị Nga	4.500		0.30								
32	Nguyễn Văn Bằng	7.500		0.50								
33	Đường Văn Kiên	30.000		2.00								
34	Hồ Văn Thanh	7.500		0.50								
35	Hồ Văn Minh	7.500		0.50								
36	Nguyễn Thanh Nhu	7.500		0.50								
37	Nguyễn Văn Hán	3.000		0.20								
38	Nguyễn Thị Nga	4.500		0.30								
39	Nguyễn Đình Năng	15.000		1.00								
40	Nguyễn Anh Ba	15.000		1.00								

Kinh phí hỗ trợ	
Tổng NSNN hỗ trợ	
	Thôn
tr.đồng	
13	14
453.00	
30.00	Hồ Văn Giang
15.00	Hồ Văn Giang
15.00	Hồ Văn Giang
15.00	Hồ Văn Giang
15.00	Hồ Văn Giang
15.00	Hồ Văn Giang
15.00	Hồ Văn Giang
30.00	Hồ Văn Giang
7.50	Hồ Văn Giang
30.00	Hồ Văn Giang
7.50	Hồ Văn Giang
7.50	Hồ Văn Giang
15.00	Hồ Văn Giang
7.50	Hồ Văn Giang
22.50	Hồ Văn Giang
7.50	Hồ Văn Giang
7.50	Hồ Văn Giang
15.00	Hồ Văn Giang
4.50	Hồ Văn Giang
7.50	Hồ Văn Giang
15.00	Hồ Văn Giang
3.00	Hồ Văn Giang
7.50	Hồ Văn Giang
7.50	Hồ Văn Giang
3.00	Hồ Văn Giang

Kinh phí hỗ trợ	
Tổng NSNN hỗ trợ	
	Thôn
7.50	Hồ Văn Giang
7.50	Hồ Văn Giang
7.50	Hồ Văn Giang
7.50	Hồ Văn Giang
3.00	Hồ Văn Giang
7.50	Hồ Văn Giang
4.50	Hồ Văn Giang
7.50	Hồ Văn Giang
30.00	Hồ Văn Giang
7.50	Hồ Văn Giang
7.50	Hồ Văn Giang
7.50	Hồ Văn Giang
3.00	Hồ Văn Giang
4.50	Hồ Văn Giang
15.00	Hồ Văn Giang
15.00	Hồ Văn Giang

TỔNG HỢP ĐỀ XUẤT HỖ TRỢ ĐỐI VỚI LÂM NGHIỆP BỊ THIẾT HẠI DO BÃO SỐ 5

#REF!

TT	Đơn vị	Tổng giá trị thiệt hại	Thiệt hại trên 70%					Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác
			Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích rừng trồng gỗ lớn trên 03 năm tuổi	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây giống được ươm trong giai đoạn vườn ươm		
						Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	
	140.79	tr.đồng	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)
	1	2	3	4	5	6	7	8
Tổng		0.00	16.82	7.52	0.00	0.00	0.00	11.84
1	Nguyễn Văn Niên			1				
2	Phạm Văn Chính							
3	Nguyễn Thanh Hợp							
4	Nguyễn Thị Vinh							8
5	Trần Ngọc Sơn		7.00					
6	Phạm Hồng Linh		0.18					
7	Nguyễn Đình Nhu			0.3023				
8	Cao Thị Phượng		4.14					
9	Nguyễn Thị Tuế							
10	Nguyễn Văn Phong							
11	Nguyễn Thị Sự							
12	Hà Huy Tinh		2.00					
13	Nguyễn Thị Thành							
14	Trần Viết Ninh		0.40	0.1				
15	Ngô Quốc Tuấn							

16	Đậu Văn Ngo							
17	Ngô Quốc Thịnh							
18	Phạm Công Lý							
19	Ngô Minh Lới							
20	Ngô Văn Quân							
21	Ngô Văn Yên							2
22	Phạm Ngọc Ánh							
23	Trần Văn Quý		0.35					
24	Trần Thị Thu Hà		0.15					
25	Hoàng Thị Xuân							
26	Nguyễn Thị Thường							
27	Phan Huy Tường							
28	Nguyễn Thị Trà							
29	Lê Thị Thiệp							
30	Phạm Thị Long							
31	Nguyễn Đình Kính							
32	Ngô Đình Vinh							
33	Ngô Hải Lập							
34	Ngô Đình Khánh							
35	Đinh Văn Ngân		0.15					
36	Nguyễn Thị Vân							
37	Nguyễn Hải Hiệp							
38	Ngô Hồng Hiệp							
39	Nguyễn Văn Sinh							
40	Nguyễn Thị Phương							
41	Dương Thị Kim Ngân							
42	Ngô Văn Thạch							
43	Nguyễn Văn Huyền							
44	Bùi Thị Phương							
45	Nguyễn Văn Quý							
46	Ngô Văn Việt		0.5					
47	Nguyễn Văn Trang							
48	Nguyễn Anh Đức							0.02

49	Dương Văn An							
50	Hoàng Thị Xương							
51	Trần Trọng Huyền			0.8589				
52	Lê Văn Đường							
53	Thái Thị Lự							
54	Nguyễn Văn Quế							
55	Nguyễn Thị Liên							
56	Nguyễn Văn Luân							
57	Hoàng Văn Định							
58	Nguyễn Thị Thuần							
59	Lê Thị Huệ							
60	Phạm Văn Tân							
61	Lê Thị Bốn							
62	Hoàng Thị Hồng							
63	Nguyễn Thị Luyện							
64	Bùi Văn Sơn							
65	Ngô Ngọc Tiệm			2.5				
66	Phạm Thị Mơ							
67	Ngô Duy Hà							
68	Nguyễn Tiến Việt							
69	Nguyễn Quang Trung							
70	Bùi Văn Hạnh							
71	Nguyễn Hải Tinh							
72	Phạm Xuân Hợi							
73	Hoàng Minh Dụng							
74	Cao Thị Nhung							
75	Nguyễn Trung Đức							
76	Lê Thị Hồng							
77	Nguyễn Văn Ngụ							
78	Phạm Hùng Khánh			0.3312				
79	Phạm Hùng Kính							
80	Ngô Viêt Diên		0.3					
81	Ngô Văn Minh							

82	Nguyễn Văn Chu							
83	Bùi Thị Sự							
84	Nguyễn Nhật Phương							
85	Nguyễn Văn Tương							
86	Nguyễn Xuân Linh							0.15
87	Nguyễn Hoàng Thái							
88	Văn Đình Chuyên							
89	Nguyễn Thị Luyn							
90	Phạm Thị Mai							
91	Ngô Đức Hạnh							
92	Trần Thị Như Hoa							
93	Lê Thị Phong							
94	Bùi Thị Đông							
95	Bùi Văn Lực							
96	Lê Thị Hựu							
97	Nguyễn Thị Định							
98	Nguyễn Trung Lộc							
99	Nguyễn Văn Dũng							
100	Nguyễn Thị Tuân							
101	Ngô Hồng Phận							
102	Nguyễn Thị Huyn							
103	Nguyễn Thị Thanh							
104	Nguyễn Thị Hải							
105	Nguyễn Văn Thuyết							
106	Nguyễn Văn Lực							
107	Ngô Viết Hải							
108	Nguyễn Văn Hùng							
109	Nguyễn Đình Cẩm							
110	Trần Thị Quyên							1.3908
111	Bùi Đức Vĩnh							
112	Nguyễn Đình Lợi							
113	Nguyễn Văn Sứ							
114	Phạm Thị Ánh							

115	Nguyễn Tiến Danh							
116	Nguyễn Văn Báu							
117	Ngô Thị Hiến							
118	Cao Thị Hằng							
119	Trần Thị Hoa							
120	Nguyễn Thị Thảo							
121	Nguyễn Thị Dương							
122	Bùi Thị Quỳnh							
123	Võ Thị Tuy							
124	Lê Minh Lành							
125	Nguyễn Văn Nuôi							
126	Trần Công Nghĩa							
127	Nguyễn Văn Huân							
128	Trần Công Sử							
129	Nguyễn Tiến Dinh							
130	Nguyễn Văn Trịnh							
131	Nguyễn Văn Hương							
132	Ngô Văn Nghị							
133	Trần Công Bình							
134	Nguyễn Thị Lữ							
135	Đặng Thị Ngân							
136	Bùi Văn Biểu							
137	Bùi Lưu							
138	Ngô Hồng Phong							
139	Bùi Đức Hành							
140	Nguyễn Văn Hoan							
141	Nguyễn Thị Nga							
142	Lê Thị Hà							
143	Nguyễn Phối							
144	Nguyễn Văn Nam							
145	Phạm Văn Long							
146	Nguyễn Thị Thông							
147	Phạm Văn Tri							

148	Nguyễn Thị Ngọc							
149	Ngô Văn Dũng							
150	Nguyễn Tiến Đại							
151	Hoàng Đình Hưởng							
152	Nguyễn Thị Yên							
153	Phan Thị Xinh							
154	Phạm Thị Huê							
155	Ngô Hồng Tân							
156	Đặng Thị Lân							
157	Nguyễn Thị Tiếp							
158	Nguyễn Thị San							
159	Nguyễn Tiến Khoa							
160	Ngô Đại Dương							
161	Dương Thị Phúc							
162	Nguyễn Thị Huyền							
163	Cao Thị Thắm							
164	Ngô Đình Quân							
165	Nguyễn Văn Đạt							
166	Ngô Viết Sỹ							
167	Lê Thị Thảo							
168	Nguyễn Tiến Duẩn							
169	Bùi Thị Hiếu							
170	Trần Thị Hương		0.15					
171	Võ Thị Tú							
172	Nguyễn Thị Hà							
173	Nguyễn Văn Nhuận							
174	Nguyễn Văn Sinh							
175	Nguyễn Tiến Dung							
176	Trần Thị Thiết							
177	Ngô Viết Vương							
178	Hoàng Thị Tư							
179	Phạm Văn Trọng			1.4236				
180	Phạm Văn Trạch							

181	Nguyễn Huy Hồng							
182	Văn Đình Tuyên							
183	Phạm Ngọc Huỳnh							
184	Nguyễn Mạnh Hà							
185	Cao Thị Cúc			1				
186	Nguyễn Thị Châu							
187	Nguyễn Ngọc Tạo							
188	Phạm Thị Túy							
189	Nguyễn Tiến Thành							
190	Nguyễn Văn Diên							
191	Nguyễn Quang Đắc							0.2766
192	Nguyễn Thị Xuyên							
193	Ngô Minh Hối							
194	Nguyễn Thị Dũng							
195	Trần Thị Lan							
196	Nguyễn Thị Nga							
197	Ngô Việt Dũng							
198	Ngô Hồng Thái							
199	Dương Thị Nhị		1.5					
200	Nguyễn Thị Diếp							
201	Phạm Sỡ							
202	Nguyễn Thị Trang							
203	Nguyễn Văn Trường							

ĐẠI DIỆN THÔN

5 GÂY RA THEO NGHỊ ĐỊNH SỐ 09/2025/NĐ-CP

Thiệt hại từ 30% đến 70%				Kinh phí hỗ trợ		
Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích rừng trồng gỗ lớn trên 03 năm tuổi	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây giống được ươm trong giai đoạn vườn ươm:		Tổng NSNN hỗ trợ	Trong đó	
		Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi		Ngân sách Trung ương	NSDP đảm bảo
(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	tr.đồng	tr.đồng	tr.đồng
9	10	11	12	13	14	15
104.62	0.00	0.00	0.00	1,079.28		
1.00				22.50		
				0.00		
3.00				22.50		
				32.00		
16.00				176.00		
1.76				14.62		
0.10				5.28		
				33.12		
				0.00		
				0.00		
				0.00		
				16.00		
0.20				1.50		
				4.70		
0.43				3.23		

				0.00		
				0.00		
				0.00		
				0.00		
				0.00		
2.00				23.00		
				0.00		
				2.80		
				1.20		
0.05				0.38		
				0.00		
				0.00		
				0.00		
				0.00		
				0.00		
1.3				9.75		
2.708				20.31		
				0.00		
				0.00		
				1.20		
				0.00		
				0.00		
				0.00		
1.0703				8.03		
0.8436				6.33		
				0.00		
				0.00		
1.4389				10.79		
				0.00		
0.06				0.45		
3				26.50		
				0.00		
				0.08		

				0.00		
				0.00		
1				20.38		
0.25				1.88		
				0.00		
1.2				9.00		
				0.00		
0.3				2.25		
0.15				1.13		
				0.00		
0.2				1.50		
				0.00		
				0.00		
				0.00		
0.73				5.48		
				0.00		
0.5				41.25		
1				7.50		
				0.00		
0.2				1.50		
2				15.00		
1.2				9.00		
0.95				7.13		
0.05				0.38		
				0.00		
				0.00		
				0.00		
				0.00		
				0.00		
0.3508				7.60		
				0.00		
				2.40		
0.15				1.13		

1.5278				11.46		
				0.00		
				0.00		
6				45.00		
				0.60		
				0.00		
				0.00		
				0.00		
0.75				5.63		
0.375				2.81		
				0.00		
				0.00		
0.75				5.63		
				0.00		
				0.00		
0.12				0.90		
				0.00		
0.1865				1.40		
				0.00		
0.3468				2.60		
				0.00		
				0.00		
				0.00		
				0.00		
				0.00		
				0.00		
				0.00		
				0.00		
				0.00		
				0.00		
				0.00		
				5.56		
				0.00		
				0.00		
0.2				1.50		
				0.00		

				0.00		
				0.00		
				0.00		
				0.00		
0.3533				2.65		
0.3304				2.48		
0.654				4.91		
				0.00		
				0.00		
1				7.50		
1.569				11.77		
0.45				3.38		
0.4779				3.58		
0.25				1.88		
10				75.00		
				0.00		
1.0619				7.96		
				0.00		
1.6972				12.73		
				0.00		
0.35				2.63		
0.098				0.74		
				0.00		
0.08				0.60		
				0.00		
1.0322				7.74		
				0.00		
				0.00		
0.267				2.00		
0.1				0.75		
0.458				3.44		
				0.00		
				0.00		

0.355				2.66		
				0.00		
0.4687				3.52		
0.4				3.00		
0.25				1.88		
0.1				0.75		
				0.00		
				0.00		
				0.00		
				0.00		
1.6724				12.54		
				0.00		
0.6				4.50		
				0.00		
				0.00		
				0.00		
				0.00		
1				7.50		
0.5				3.75		
0.6				4.50		
0.1				0.75		
0.2				1.50		
				1.20		
0.15				1.13		
				0.00		
				0.00		
				0.00		
2				15.00		
1.1399				8.55		
0.5				3.75		
				0.00		
0.5681				25.61		
				0.00		

				0.00		
				0.00		
				0.00		
				0.00		
				15.00		
				0.00		
				0.00		
				0.00		
1				7.50		
16				120.00		
				1.11		
				0.00		
0.4994				3.75		
0.654				4.91		
				0.00		
0.185				1.39		
				0.00		
				0.00		
				12.00		
				0.00		
				0.00		
				0.00		
				0.00		

Kỳ Anh, ngày tháng năm 2026
ĐẠI DIỆN ĐOÀN CÔNG TÁC